

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Lệ Hồng.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Số 189/2, ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hải Đ tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2020, Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2020. Sau khi thành hôn, chị và anh Đ sinh sống cùng với gia đình anh Đ tại ấp TĐ, xã MĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau đó, do chị mang thai và để thuận tiện trong công việc nên chị và anh Đ về sống cùng với gia đình của chị tại số 189/2, ấp TL, xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Thời gian sau, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, mâu thuẫn về tài chính, anh Đ có tính gia trưởng,

không quan tâm chăm sóc gia đình và không tôn trọng gia đình chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị hay cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh Đ ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày: 01/01/2021. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hải Đ trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng N về quá trình tiến tới hôn nhân, Đ ký kết hôn. Do anh chị mới kết hôn nên gặp ít khó khăn về vấn đề tài chính, đôi lúc anh chị cũng có cãi nhau nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Từ tháng 02/2022 đến nay, anh về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp TĐ, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do con của anh chị còn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với chị N và muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung như chị N trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao con chung là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày: 01/01/2021 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - + Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - + Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể:
 - + Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh Đ.
 - + Về con chung: Chị N và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày: 01/01/2021. Chị N được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Minh C, ghi nhận anh Đ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Nguyễn Hải Đ có nơi cư trú tại ấp TĐ, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Hải Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hải Đ theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Hải Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện TP, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Đ không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính, anh Đ có tính gia trưởng không quan tâm chăm sóc gia đình và không tôn trọng gia đình chị, chị và anh Đ thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2022 đến nay, chị N và anh Đ ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh Đ cho rằng do anh chị mới kết hôn nên gặp ít khó khăn về vấn đề tài chính, anh cố gắng làm việc để chăm lo cho gia đình, đôi lúc anh chị có cãi nhau nhưng mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng. Anh Đ muốn chị N cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì anh còn thương chị N, muốn con có đủ tình thương của cha mẹ nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị N cương quyết xin ly hôn với Đ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày: 01/01/2021. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung của anh chị là cháu Nguyễn Ngọc Minh C tính đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Châu sống cùng với chị N từ khi chị N và anh Đ ly thân cho đến nay, chị N cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Đồng thời, anh Đ cho rằng trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh C cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Đ đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Hải Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày: 01/01/2021.

Chị Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Minh C.

Anh Nguyễn Hải Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là Nguyễn Ngọc Minh C mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi Nguyễn Ngọc Minh C đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Nguyễn Hải Đ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Nguyễn Hải Đ có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Hải Đ không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Hải Đ không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005756 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hải Đ phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã BT, huyện TP;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân